

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày 06-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Bà Tạ Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân quận D và điểm cầu thành phần Phòng xét xử trực tuyến Nhà Tạm giữ Công an quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2024/TLST- HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2024/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn B** sinh năm 1978, tại Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã T, huyện P, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Vũ Thị V (đã chết); có vợ là Phạm Thị E; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24 tháng 6 năm 2024, đến ngày 27 tháng 6 năm 2024 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Văn H** sinh năm 1985, tại Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện P, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tàu (đã chết) và bà Đặng Thị V; có vợ là Phạm Thị V (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự, nhân thân: Có 01 tiền án đã được xóa án tích là Bản án hình sự số 37/2004/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2004 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Lê Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam về

tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 30 tháng 8 năm 2005; bị tạm giữ ngày 24 tháng 6 năm 2024, đến ngày 27 tháng 6 năm 2024 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H:* Ông Bùi Văn B - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- *Người chứng kiến:* Anh Phạm Quyết T, vắng mặt;

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Khắc Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy và có quen biết nhau từ trước nên khoảng 14 giờ ngày 24/6/2024, Phạm Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16F1 - 1198 mượn của anh Vũ Văn Q đi từ nhà tại thôn K, xã T, huyện P, thành phố Hải Phòng đến nhà của Lê Văn H tại thôn N, xã Đ, huyện P, thành phố Hải Phòng. Tại đây B rủ H chung tiền mua ma túy về cùng sử dụng, H đồng ý và đưa cho B 100.000 đồng, B bỏ ra 100.000 đồng. Sau đó B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16F1-1198 chở H đến khu vực đường tàu M thuộc quận L, thành phố Hải mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy được bọc bằng nilon màu vàng có kích thước 1,4 cm x 2,5 cm, bên trong chứa chất bột màu trắng. B giấu túi ma túy vào trong túi quần bên trái phía trước đang mặc rồi điều khiển xe mô tô chở Hoà đi tìm nơi cùng sử dụng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày khi B và H đi đến khu vực tổ dân phố V 1, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm 01 gói ma túy và 01 xe mô tô Biển kiểm soát 16F1 - 1198.

Ngày 25/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn B và Lê Văn H nhưng không thu giữ đồ vật gì liên quan đến vụ án.

Kết luận giám định số 830/KL-KTHS ngày 30/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận chất bột màu trắng thu giữ của Phạm Văn B và Lê Văn H gửi giám định: “là ma túy, có khối lượng: 0,11 gam, loại: Heroine”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D, Phạm Văn B và Lê Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về vật chứng của vụ án, hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận D đang quản lý: 0,07 gam ma túy, loại Heroine là số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 830/MT/PC09.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 16F1 - 1198, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là anh Vũ Văn Q. Anh Q cho B mượn xe nhưng không biết B sử dụng xe để đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D đã trả lại xe cho anh Q.

Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông đã bán ma túy cho Phạm Văn B và Lê Văn H tại khu vực đường tàu M thuộc quận L, thành phố Hải Phòng vào chiều ngày 24/6/2024 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D tiếp tục điều tra để xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 17/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố Phạm Văn B và Lê Văn H cùng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Phạm Văn B và Lê Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Toàn bộ những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù và xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù cùng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Phạm Văn B: Hoàn toàn thống nhất với lời luận tội của bị cáo tại phiên tòa.

Ý kiến của bị cáo Lê Văn H và người bào chữa cho bị cáo: Về tội danh, về căn cứ pháp luật áp dụng: Không tranh luận. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng và làm công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người làm chứng, người chứng kiến tại phiên tòa: Toàn bộ những người này đều đã có lời khai trong quá trình điều tra, những lời khai này đã được Cơ quan điều tra thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về nội dung:

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với Kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/6/2024, tại khu vực tổ dân phố V 1, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn B và Lê Văn H đã có hành vi cất giấu trái phép 0,11 gam chất ma túy (loại Heroin) trong túi quần bên trái phía trước của B với mục đích để cùng sử dụng nên cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 17/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Phạm Văn B có bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị V đều là người có công với cách mạng được tặng huân chiến kháng chiến. Bị cáo Lê Văn H có bố đẻ là ông Lê Văn T là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Lê Văn H là người có nhân thân xấu. Theo Bản án hình sự số 37/2004/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2004 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Lê Văn H 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 30 tháng 8 năm 2005 bị cáo được đặc xá tha tù trước thời hạn theo Giấy chứng nhận đặc xá tha tù trước thời hạn số 1010/GCN

của Trại giam tỉnh Quảng Ninh. Như vậy theo quy định tại Điều 70 và Điều 73 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo đã được xóa án tích. Tuy nhiên đó vẫn là căn cứ để xác định bị cáo đã từng bị xử phạt và chấp hành hình phạt tù giam cùng về tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã được giáo dục, cải tạo một thời gian dài nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo còn nhiều hạn chế. Do vậy hình phạt dành cho bị cáo H cần phải cao hơn so với bị cáo Tân.

[7] Vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định vai trò của các bị cáo trong vụ án này là tương đương nhau.

[8] Về hình phạt đối với các bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước ta. Tệ nạn ma túy đã và đang là hiểm họa lớn, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, làm băng hoại các giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống của dân tộc, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và còn là nguyên nhân, tiền đề làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do vậy căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, xử phạt bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và trong mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: 0,07 gam ma túy (loại Heroine) còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 830/MT/PC09 là "Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ trái phép". Do vậy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 16F1- 1198, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là anh Vũ Văn Q. Anh Q cho B mượn xe nhưng không biết B sử dụng xe để đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D đã trả lại xe cho anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông đã bán ma túy cho Phạm Văn B và Lê Văn H tại khu vực đường tàu, phường M, quận L, thành phố Hải Phòng vào chiều ngày 24/6/2024 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D tiếp tục điều tra để xử lý sau là phù hợp.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ pháp luật áp dụng, tội danh và mức hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Phạm Văn B, Lê Văn H cùng phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, xử phạt bị cáo **Phạm Văn B** 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 24 tháng 6 năm 2024, xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 24 tháng 6 năm 2024.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,07 gam Heroine được niêm phong trong 01 phong bì số 830/MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND quận D;
- CA quận D;
- Chi cục THADS quận D;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên